

BÁO CÁO CHI CHUYỂN NGUỒN NĂM 2024 SANG NĂM SAU NĂM 2025 - TOÀN TỈNH
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2024 so với năm 2023		Giải trình
				Số tuyệt đối	Số tương đối	
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1	5
1	Chi đầu tư phát triển thực hiện chuyển sang năm sau theo quy định của Luật đầu tư công. Trường hợp đặc biệt, Thủ tướng Chính phủ quyết định về việc cho phép chuyển nguồn sang năm sau nữa, nhưng không quá thời hạn giải ngân của dự án nằm trong kế hoạch đầu tư công trung hạn	2,157,329	1,475,514	(681,815)	68	
2	Chi mua sắm trang thiết bị đã đầy đủ hồ sơ, hợp đồng mua sắm trang thiết bị ký bước ngày 31 tháng 12 năm thực hiện dự toán	30,948	4,539	(26,409)	15	
3	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản tính theo tiền lương cơ sở, bảo trợ xã hội	4,313,254	3,400,376	(912,878)	79	
4	Kinh phí được giao tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập và các cơ quan nhà nước; các khoản viện trợ không hoàn lại đã xác định cụ thể nhiệm vụ chi	87,117	98,530	11,413	113	
5	Các khoản dự toán được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30 tháng 9 năm thực hiện dự toán, không bao gồm các khoản bổ sung do các đơn vị dự toán cấp trên điều chỉnh dự toán đã giao của các đơn vị dự toán trực thuộc	37,614	97,877	60,263	260	
6	Kinh phí nghiên cứu khoa học bố trí cho các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học được cấp có thẩm quyền quyết định đang trong thời gian thực hiện	14,534	18,187	3,653	125	
7	Các khoản tăng thu, tiết kiệm chi được sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 59 của Luật ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền quyết định cho phép sử dụng vào năm sau	1,261,942	858,566	(403,376)	68	
8	Các nhiệm vụ chi khác (chi tiết cụ thể nhiệm vụ)	102,829	252,964	150,136	246	
	- 03 chương trình mục tiêu quốc gia		208,858			
	- Chuyển nguồn TK 5% chi thường xuyên		18,825			
	- Chi chuyển nguồn ASXH		25,281			
Tổng cộng		8,005,566	6,206,553	(1,799,013)	78	